

MARKET INSIGHTS REPORTS

05.06.2025

VỐN HÓA LỚN XOAY NHÓM

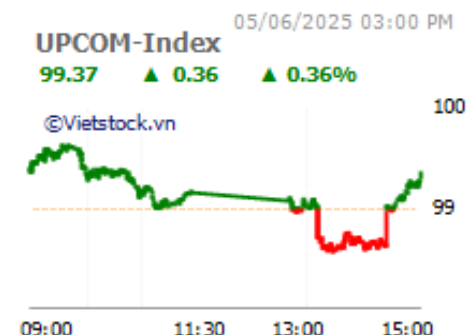


NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
Mức 1,350 điểm vẫn là kháng cự mạnh trong ngắn hạn
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
Dự luật ngân sách của Mỹ - Cắt giảm thuế trước cắt giảm chi tiêu sau
CBO ước tính thâm hụt ngân sách của Mỹ
- 10** TTCK MỸ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào tối nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	0
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	0
Số cổ phiếu giảm giá	0
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	0

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	0
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	0
Số cổ phiếu giảm giá	0
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	0

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	0
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	0
Số cổ phiếu giảm giá	0
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	0

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	-	-	-
% KL toàn thị trường	#DIV/0!	#DIV/0!	
Giá trị	-	-	-
% GT toàn thị trường	#DIV/0!	#DIV/0!	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	-	-	-
% KL toàn thị trường	#DIV/0!	#DIV/0!	
Giá trị	-	-	-
% GT toàn thị trường	#DIV/0!	#DIV/0!	

UPCOM

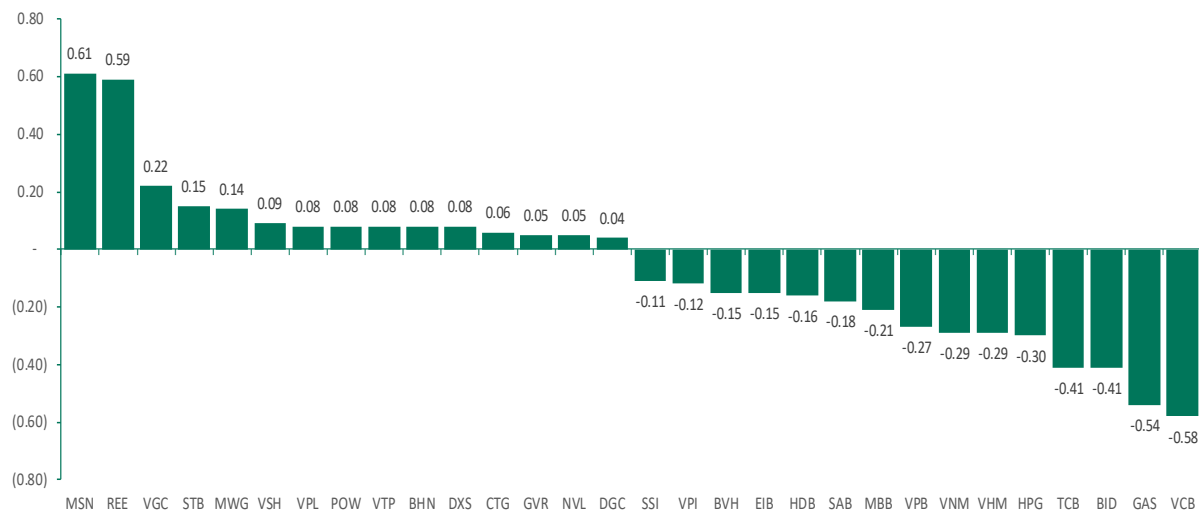
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	-	-	-
% KL toàn thị trường	#DIV/0!	#DIV/0!	
Giá trị	-	-	-
% GT toàn thị trường	#DIV/0!	#DIV/0!	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	2,783,100	56,300	-300 (-0.53%)	9.32	2.30	6,038	470,425
2	VIC	3,350,000	98,000	-100 (-0.1%)	34.89	2.38	2,809	380,101
3	VHM	5,299,500	76,800	-300 (-0.39%)	9.98	1.41	7,696	315,449
4	BID	3,302,200	35,500	-250 (-0.7%)	8.61	1.60	4,122	249,258
5	TCB	15,787,800	31,100	-250 (-0.8%)	8.87	1.43	3,506	219,717
6	CTG	4,332,000	38,550	50 (0.13%)	8.02	1.34	4,805	207,013
7	FPT	2,302,800	116,800	-300 (-0.26%)	20.24	4.53	5,772	171,821
8	HPG	18,786,300	25,750	-200 (-0.77%)	12.98	1.40	1,984	164,703
9	VPL	105,700	88,200	200 (0.23%)	59.61	4.44	1,480	158,169
10	GAS	805,500	63,800	-1,000 (-1.54%)	13.91	2.32	4,587	149,463

TÓP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-0.09%	+9.07%	1,609
▼ Tài chính	-0.55%	+2.51%	107
> Tổ chức tín dụng	-0.49%	+2.31%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.99%	+4.77%	65
> Bảo hiểm	-0.53%	+0.63%	13
▶ Bất động sản	-0.19%	+48.53%	144
▼ Công nghiệp	-0.31%	+9.92%	388
> Vận tải	-0.70%	+6.40%	132
> Tư liệu sản xuất	+0.89%	+13.95%	211
> Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	-1.52%	+46.77%	45
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.01%	-7.54%	164
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0%	-7.63%	157
> Đồ gia dụng và cá nhân	-0.47%	-4.26%	6
▶ Nguyên vật liệu	+0.77%	+1.34%	263
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+0.06%	+14.47%	263
> Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	-0.01%	-1.47%	124
> Dịch vụ tiêu dùng	+0.26%	+11.68%	33
> Hàng tiêu dùng và trang trí	-0.17%	+45.61%	94
> Xe và linh kiện	+2.52%	-8.82%	12
▶ Tiện ích	+0.14%	+1.47%	149
▼ Viễn thông	+2.26%	-18.47%	47
> Viễn thông	+2.40%	-18.89%	22
> Truyền thông giải trí	-0.19%	-8.73%	25
▼ Công nghệ thông tin	-0.20%	-23.44%	14
> Phần mềm	-0.20%	-23.49%	7
> Phần cứng	+0.48%	-5.34%	5
> Bán dẫn	0%	-25.23%	2
▶ Năng lượng	+0.53%	-16.04%	21
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.26%	+0.18%	49
> Dược phẩm - sinh học	-0.25%	+1.71%	44
> Chăm sóc sức khỏe	-0.43%	-20.17%	5

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 3.65 (- 0.27%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Xe và linh kiện, viễn thông, tư liệu sản xuất, nguyên vật liệu, năng lượng, tiện ích...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như DRC, VGI, FOX, CTR, HUT, VC2, CTD, HTN, GVR, DGC, VGC, MSR, DPR, CSV, PVS, REE... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) DRC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới trong 3 tháng qua – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang đang hình thành sóng tăng giá trung hạn với mục tiêu 29;
- ✓ Cổ phiếu vượt kháng cự động MA(50);
- ✓ Q2/2025, mức lãi DRC vào khoảng 80 -90 tỷ tăng gấp 8 -9 lần so với mức lãi 10 tỷ trong Q1/2025 – Sự phục hồi kinh doanh của DRC;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) VGI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên chưa mở ra và giá bám biên dải băng trên – Tín hiệu cần trở đà tăng;
- ✓ Cổ phiếu vẫn đang trong sóng 4 đối kháng với kháng cự 72 – 78. Cổ phiếu cần vượt khu vực kháng cự này để xác nhận sóng tăng giá đã trở lại và không hình thành sóng 5 giảm giá
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(iii) VGC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Kháng cự hiện tại là 48 – Giá cần vượt mốc kháng cự này để xóa mẫu hình 5 sóng giảm giá và hình thành sóng tăng giá mới;
- ✓ Khả năng vượt kháng cự là tương đối cao và cổ phiếu có thể đảo xu hướng giảm;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iv) REE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới trong 3 tháng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá đang trong mục tiêu sóng 3 mở rộng tăng giá là 84 – 96;

- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(v) CSV tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Kháng cự hiện tại là 37 – Giá cần vượt mốc kháng cự này để xóa mẫu hình 5 sóng giảm giá;
- ✓ Q2/2025 có thể lãi ròng khoảng 70 tỷ và ngoài ra CSV sẽ có tiền bồi thường đất trong Q3/2025 với giá trị trong khoảng 100 – 200 tỷ tạo ra lợi nhuận khác;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(2) Dịch vụ chuyên biệt và thương mại, dịch vụ tài chính, vận tải, bảo hiểm, tổ chức tín dụng, ...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VEF, SSI, VND, VIX, HCM, SHS, FTS, BSI, ACV, HAH, MVN, PHP, VOS, BVH, MIG, VCB, TCB, MBB, ACB, VPB, BID... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Kháng cự hiện tại của SSI là 25.5 và cổ phiếu vẫn vận động theo mô hình khá tiêu cực – Với mẫu hình này NĐT về cơ bản nên quan sát chứ chưa phải là thời điểm mở lệnh mua;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

(ii) VND giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Three Inside Down Pattern”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều ngắn hạn;
- ✓ Giá đang ở vùng giá mục tiêu của sóng 3 và có khả năng hình thành sóng 4 đối kháng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iii) BVH giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 4 đối kháng với hỗ trợ là 48;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

(iv) HAH giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ HAH đang hình thành sóng 4 với mục tiêu giá ban đầu là vùng 64 – 72;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Mốc 1,350 điểm vẫn là kháng cự mạnh trong ngắn hạn

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm nhưng vẫn trên mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 490 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: MSN, VND, CEO, SSI, VRE, KBC, NVL, VIB, CSV, MBS ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VHM, STB, VIC, VIX, DXG, HDB, ACV, FPT, HPG, HAH... Tổng thể vẫn là xu hướng mua bán ròng đan xen của khối ngoại ít nhất áp lực bán ròng theo chuỗi đơn vị tháng đã chấm dứt nhưng chúng ta chưa có chuỗi mua ròng quá dài để xác định xu hướng mua là chính của khối ngoại. Họ vẫn liên tục mua bán ròng theo mã nhằm tái cấu trúc danh mục.

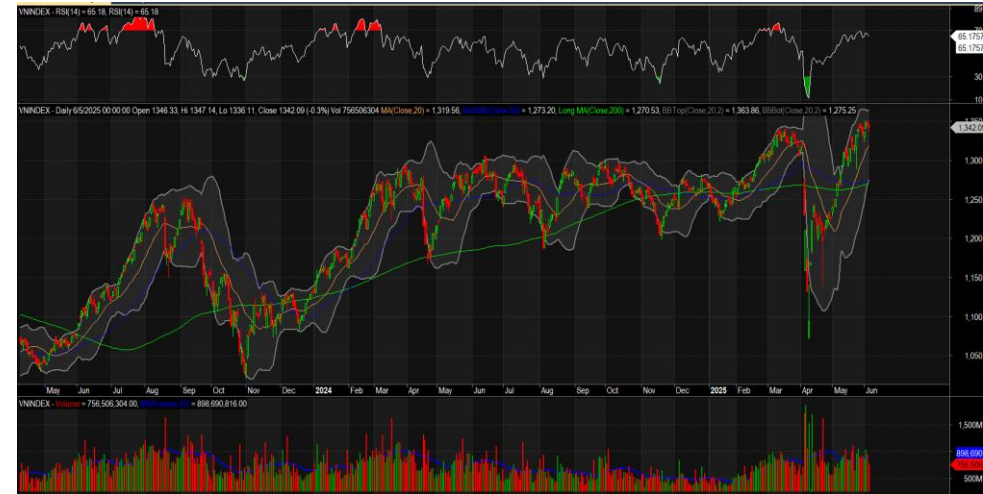
(ii) VN-Index vẫn gặp chút khó khăn ở vùng đỉnh cũ quanh mốc kháng cự 1,350 điểm khi mà chỉ số vẫn chùng xuống vào cuối giờ khi chạm mốc kháng cự này. Như vậy, có vẻ áp lực bán đang gia tăng tại vùng kháng cự 1,350 điểm. Có ba điểm cần lưu ý: (a) Sự xoay tua vẫn diễn ra nhưng rõ ràng một số nhóm dẫn dắt đang bị chốt lời như họ VINCOM hay họ GEX. Điều này cho thấy khả năng chỉnh về điểm số có thể diễn ra. (ii) Dòng tiền vẫn tập trung đẩy giá xoay tua với việc lựa chọn các cổ phiếu được hỗ trợ bởi kết quả kinh doanh tốt trong Q2/2025 hoặc các cổ phiếu có tin tức vĩ mô hỗ trợ tốt như trường hợp của nhóm nuôi lợn hôm nay với sự kiện Bộ Công An điều tra công ty CP và NĐT kỳ vọng các công ty trên sàn niêm yết có thể nhận cơ hội đánh chiếm thị phần của CP. (c) Một số mã lớn khác có tiềm năng thay thế đẩy giá như MSN, MWG, STB...cũng đã giảm bớt mức độ giảm điểm mạnh hơn của chỉ số.

(iii) Về dòng tiền, chúng ta thấy dòng tiền đổ mạnh vào các cổ phiếu như ELC, MSR, VGI, VGC, DRI, DRC, PLC, HUT, DXS... Vẫn là sự xoay tua với khi dòng tiền chảy vào nhóm đi nền thấp trong giai đoạn hiện tại.

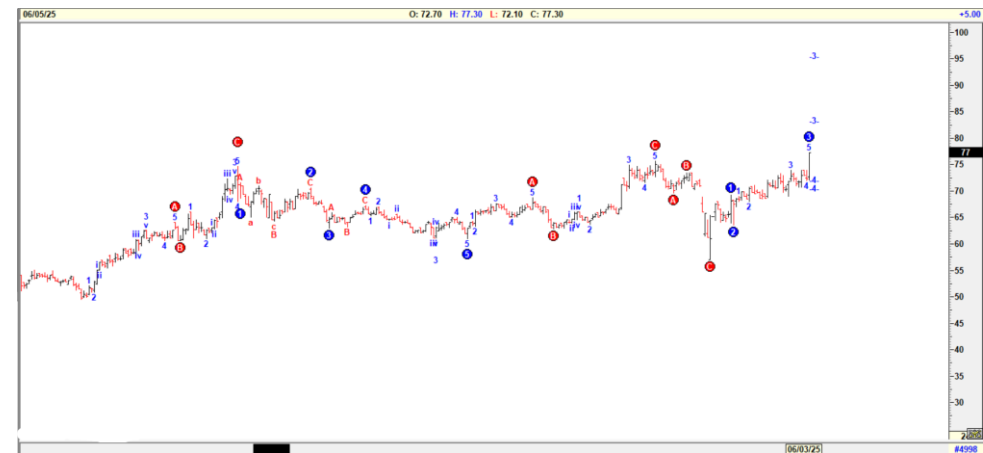
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 05 mã cho tín hiệu mua, 08 mã cho tín hiệu bán, 17 mã cho tín hiệu đi ngang. PLX, BCM, VJC, STB, MSN ...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 28% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,300 điểm và kháng cự là 1,350 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu REE



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	477.91	477.82	478.01	YES	481.13	484.15	487.37	490.39	474.89	471.67	468.65	465.43
HNXINDEX	231.03	230.95	231.11	YES	232.28	233.36	234.61	235.69	229.95	228.7	227.62	226.37
UPINDEX	99.03	99.11	98.95	YES	99.5	100.13	100.6	101.23	98.4	97.93	97.3	96.83
VN30	1431.11	1430.47	1431.74	YES	1438.55	1444.73	1452.17	1458.35	1424.93	1417.49	1411.31	1403.87
VNINDEX	1341.78	1341.63	1341.93	YES	1347.45	1352.81	1358.48	1363.84	1336.42	1330.75	1325.39	1319.72
VNXALL	2208.28	2208.52	2208.04	YES	2218.13	2228.47	2238.32	2248.66	2197.94	2188.09	2177.75	2167.9
VN30FIM	1427.9	1428.35	1427.45	YES	1431.1	1435.2	1438.4	1442.5	1423.8	1420.6	1416.5	1413.3
VN30FIQ	1425.33	1426.25	1424.42	YES	1427.97	1432.43	1435.07	1439.53	1420.87	1418.23	1413.77	1411.13
VN30F2M	1426.87	1427.5	1426.23	YES	1428.93	1432.27	1434.33	1437.67	1423.53	1421.47	1418.13	1416.07
VN30F2Q	1421.9	1422.75	1421.05	YES	1423.6	1427	1428.7	1432.1	1418.5	1416.8	1413.4	1411.7
BCM	60.73	60.65	60.82	NO	61.57	62.23	63.07	63.73	60.07	59.23	58.57	57.73
ACB	21.07	21.1	21.03	NO	21.13	21.27	21.33	21.47	20.93	20.87	20.73	20.67
BID	35.62	35.68	35.56	NO	35.78	36.07	36.23	36.52	35.33	35.17	34.88	34.72
BVH	50.55	50.63	50.47	NO	51.15	51.9	52.5	53.25	49.8	49.2	48.45	47.85
CTG	38.43	38.38	38.49	NO	38.87	39.18	39.62	39.93	38.12	37.68	37.37	36.93
GAS	64.03	64.15	63.92	NO	64.57	65.33	65.87	66.63	63.27	62.73	61.97	61.43
GVR	29.33	29.4	29.27	NO	29.57	29.93	30.17	30.53	28.97	28.73	28.37	28.13
FPT	116.87	116.9	116.83	YES	117.23	117.67	118.03	118.47	116.43	116.07	115.63	115.27
HDB	21.7	21.72	21.67	NO	21.85	22.05	22.2	22.4	21.5	21.35	21.15	21
HPG	25.83	25.88	25.79	NO	25.97	26.18	26.32	26.53	25.62	25.48	25.27	25.13
LPB	31.77	31.75	31.78	YES	31.93	32.07	32.23	32.37	31.63	31.47	31.33	31.17
MBB	24.48	24.52	24.44	NO	24.57	24.73	24.82	24.98	24.32	24.23	24.07	23.98
MSN	65.17	64.85	65.48	NO	66.43	67.07	68.33	68.97	64.53	63.27	62.63	61.37
MWG	61.63	61.6	61.67	YES	62.27	62.83	63.47	64.03	61.07	60.43	59.87	59.23
PLX	36.18	36.22	36.14	NO	36.42	36.73	36.97	37.28	35.87	35.63	35.32	35.08
SAB	49.73	49.85	49.62	NO	49.97	50.43	50.67	51.13	49.27	49.03	48.57	48.33
SSB	18.2	18.25	18.15	NO	18.3	18.5	18.6	18.8	18	17.9	17.7	17.6
SHB	13.72	13.73	13.71	YES	13.78	13.87	13.93	14.02	13.63	13.57	13.48	13.42
SSI	24.05	24.1	24	NO	24.2	24.45	24.6	24.85	23.8	23.65	23.4	23.25
TCB	31.25	31.33	31.17	NO	31.45	31.8	32	32.35	30.9	30.7	30.35	30.15
TPB	13.15	13.15	13.15	YES	13.2	13.25	13.3	13.35	13.1	13.05	13	12.95
STB	41.42	41.45	41.38	YES	41.83	42.32	42.73	43.22	40.93	40.52	40.03	39.62
VCB	56.47	56.55	56.38	NO	56.63	56.97	57.13	57.47	56.13	55.97	55.63	55.47
VIB	18.07	18.1	18.03	NO	18.13	18.27	18.33	18.47	17.93	17.87	17.73	17.67
VHM	76.47	76.3	76.63	NO	77.33	77.87	78.73	79.27	75.93	75.07	74.53	73.67
VJC	91.43	91.5	91.37	YES	91.87	92.43	92.87	93.43	90.87	90.43	89.87	89.43
VIC	97.47	97.2	97.73	NO	98.63	99.27	100.43	101.07	96.83	95.67	95.03	93.87
VPB	18.18	18.22	18.14	NO	18.32	18.53	18.67	18.88	17.97	17.83	17.62	17.48
VNM	56.57	56.7	56.43	NO	56.83	57.37	57.63	58.17	56.03	55.77	55.23	54.97
VRE	26.8	26.7	26.9	NO	27.2	27.4	27.8	28	26.6	26.2	26	25.6

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HHV	20,296,100	8,585,520	236	1.2
MSN	11,745,400	4,640,850	253	2.65
DXS	9,912,000	2,757,950	359	6.97
HUT	6,676,500	1,434,350	465.47	9.7
MSR	5,329,200	2,245,250	237	6.04
DRI	3,148,800	1,234,120	255	5.74
FCN	2,675,600	1,319,990	202.7	-0.35
ITC	2,674,800	1,212,760	221	-6.96
VC2	2,631,200	830,240	317	8.97
FCS	2,622,700	13,730	19101.97	7.61
HSL	2,230,100	80,310	2,777	4.18
ELC	2,213,200	643,040	344	5.37
REE	2,138,500	782,140	273	6.92
VGC	2,116,100	1,012,420	209	4.4
NRC	2,081,300	857,010	242.86	-4
DRH	1,933,300	874,450	221	6.8
DRC	1,869,500	614,600	304	5.73
PLC	1,687,200	623,710	271	6.54
OGC	1,466,500	250,200	586	0.24
HAP	1,341,500	355,210	377.66	6.96
DXP	1,080,800	242,120	446	6.38
C69	961,500	399,000	241	6.06
VGI	847,700	368,100	230	2.74
CIG	559,800	157,710	355	4.6
ASP	545,700	119,240	457.65	2.59
BMI	474,700	94,650	502	1.39
DTI	413,300	204,890	202	-9.37
TTN	330,100	161,050	205	2.86
SAV	323,200	149,720	216	4.07
NO1	256,300	59,140	433	-0.53
CNG	254,200	39,760	639	0.18
BMC	246,700	109,470	225	3.81
THM	217,800	26,600	819	-6.67
TVB	215,400	75,370	286	1.32
FOX	213,000	81,990	260	0.43
BKG	177,900	74,470	239	-0.69
TOS	173,900	67,820	256	-4.52
MGC	167,600	63,630	263	11.41
MTA	152,500	43,680	349	10.47
TV1	152,200	51,690	294	4.23

- Lưu ý: HHV, MSN...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
5-Jun	REE	Mua thêm	≤ 79	10% -20%	Sóng 3 tăng giá mở rộng/ Hưởng lợi bởi thủy điện năm nay phát điện nhiều
5-Jun	MSN	Mua	≤ 66	10% -20%	Buy Kumo Break out

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 02 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 04/06, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.004 VND/USD, tăng mạnh 22 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.804 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.204 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.089 VND/USD, tăng mạnh 36 đồng so với phiên 03/06. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 10 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 26.240 VND/USD và 26.340 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 04/06, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm mạnh 0,08 – 0,56 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống, cụ thể: ON 3,19%; 1W 3,69%; 2W 4,00% và 1M 4,27%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng nhẹ 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M, giao dịch tại: ON 4,30%; 1W 4,37%; 2W 4,41%, 1M 4,45%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm ở kỳ hạn 3Y, chốt phiên với mức: 3Y 2,22%; 5Y 2,50%; 7Y 2,85%; 10Y 3,13%; 15Y 3,25%.
- Nghị quyết thị trường mở:** Trên kênh cầm cố phiên 04/06, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng kỳ hạn 7 ngày, 10.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 35 ngày và 3.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu ở tất cả các kỳ hạn. Có 1.314,3 tỷ đồng đảo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua NHNN hút ròng 1.314,3 tỷ đồng từ thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Có 41.660,77 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 04/06, KBNN đấu thầu thành công 2.510 tỷ đồng/10.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tỷ lệ trúng thầu chỉ đạt 25%. Trong đó, kỳ hạn 5Y huy động được toàn bộ 500 tỷ đồng gọi thầu, 10Y huy động được 1.600 tỷ đồng/7.000 tỷ đồng gọi thầu và kỳ hạn 15Y huy động được 410 tỷ đồng/500 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 30Y gọi thầu 500 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu. Lãi suất trúng thầu ở kỳ hạn 5Y là 2,46% (+0,10 đpt so với phiên đấu thầu trước), 10Y là 3,10% (+0,04 đpt), 15Y là 3,20% (+0,10 đpt).

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

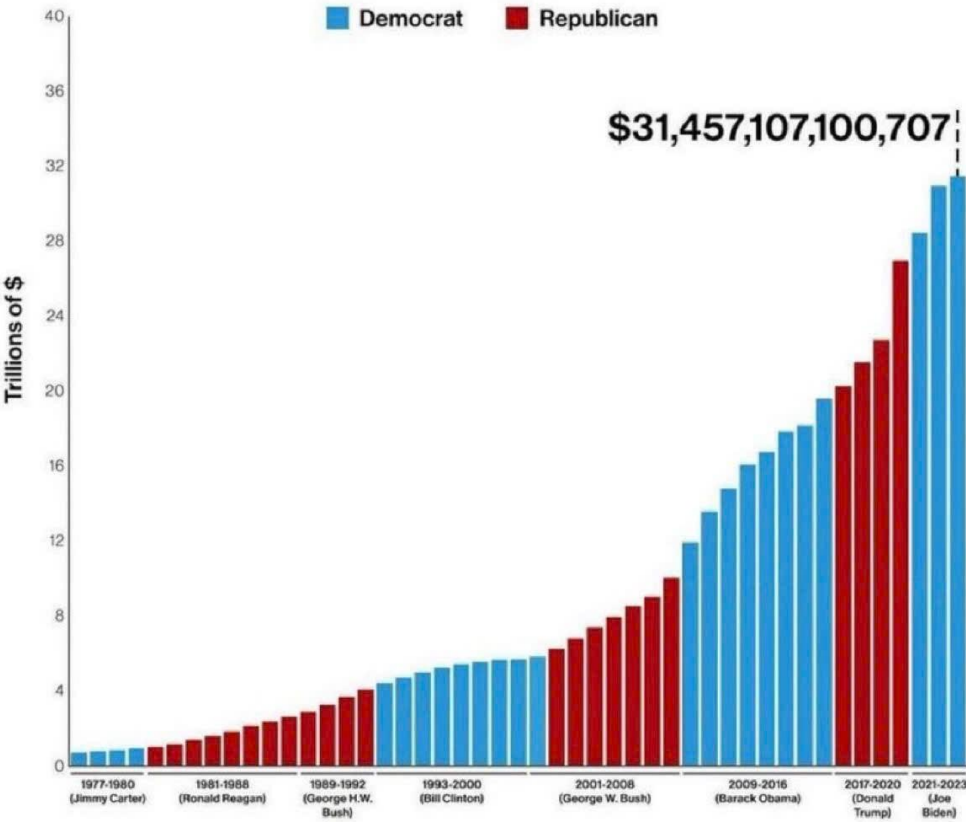
- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và đề tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

Chi tiêu liên tục tăng dù Đảng nào nắm quyền tại Mỹ

National Debt Year by Year



SOURCE: U.S. DEPARTMENT OF THE TREASURY

abc NEWS

CBO ước tính thâm hụt ngân sách của Mỹ

Congressional Budget Office
Cost Estimate

June 4, 2025

Summary
Estimated Budgetary Effects of H.R. 1, the One Big Beautiful Bill Act
As passed by the House of Representatives on May 22, 2025

	By Fiscal Year, Millions of Dollars												2025-2029	2025-2034
	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034				
Increases or Decreases () in Direct Spending Outlays, Revenues, and Deficits														
Title I. Committee on Agriculture														
Estimated Outlays	453	-12,597	-16,168	-30,026	-30,958	-29,094	-28,121	-30,535	-30,874	-31,065		-88,396	-238,085	
Estimated Revenues	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	
Net Effect on the Deficit	453	-12,597	-16,168	-30,026	-30,958	-29,094	-28,121	-30,535	-30,874	-31,065		-88,396	-238,085	
Title II. Committee on Armed Services														
Estimated Outlays	1,957	40,299	42,019	23,548	16,779	9,367	4,878	2,889	1,514	742		124,602	143,992	
Estimated Revenues	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	
Net Effect on the Deficit	1,957	40,299	42,019	23,548	16,779	9,367	4,878	2,889	1,514	742		124,602	143,992	
Title III. Committee on Education and Workforce														
Estimated Outlays	-197,940	-14,271	-12,706	-12,649	-15,714	-18,455	-19,118	-19,236	-19,422	-19,591		-253,280	-349,102	
Estimated Revenues	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	
Net Effect on the Deficit	-197,940	-14,271	-12,706	-12,649	-15,714	-18,455	-19,118	-19,236	-19,422	-19,591		-253,280	-349,102	
Title IV. Committee on Energy and Commerce														
Estimated Outlays	-1,145	-28,487	-66,042	-95,483	-111,573	-128,936	-146,869	-153,462	-149,810	-145,436		-302,730	-1,027,243	
Estimated Revenues	-26	-231	4,045	6,441	8,640	9,942	12,025	13,220	4,120	171		18,869	58,347	
Net Effect on the Deficit	-1,119	-28,256	-70,087	-101,924	-120,213	-138,878	-158,894	-166,682	-153,930	-145,607		-321,599	-1,085,590	
On-Budget Deficit	-1,126	-28,509	-70,701	-102,952	-121,294	-139,990	-160,050	-167,908	-155,221	-146,962		-324,582	-1,094,713	
Off-Budget Deficit	7	253	614	1,028	1,081	1,112	1,156	1,226	1,291	1,355		2,983	9,123	
Title V. Committee on Financial Services														
Estimated Outlays	-16	-352	-800	-926	-948	-973	-1,013	-1,090	-1,160	-1,200		-3,042	-8,478	
Estimated Revenues	0	-473	-724	-720	-752	-1,081	-410	-427	-443	-455		-2,669	-3,323	
Net Effect on the Deficit	-16	121	-76	-206	-196	-2,054	-603	-663	-717	-745		-373	-5,155	
Title VI. Committee on Homeland Security														
Estimated Outlays	*	2,488	9,218	14,008	13,995	13,623	11,145	7,984	4,556	2,130		39,709	79,147	
Estimated Revenues	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	
Net Effect on the Deficit	*	2,488	9,218	14,008	13,995	13,623	11,145	7,984	4,556	2,130		39,709	79,147	
Title VII. Committee on the Judiciary														
Estimated Outlays	*	6,426	10,277	15,080	18,795	13,657	8,207	2,625	-530	-1,122		50,578	73,415	
Estimated Revenues	0	2,394	5,916	6,193	6,990	8,004	8,397	8,635	8,872	9,008		21,493	64,409	
Net Effect on the Deficit	*	4,032	4,361	8,887	11,805	5,653	-190	-6,010	-9,402	-10,130		29,085	9,006	
Title VIII. Committee on Natural Resources														
Estimated Outlays	-122	-321	-499	-1,269	-1,300	-1,930	-2,129	-2,480	-3,227	-3,866		-3,511	-17,143	
Estimated Revenues	0	65	130	130	135	140	140	145	150	150		460	1,185	
Net Effect on the Deficit	-122	-386	-629	-1,399	-1,435	-2,070	-2,269	-2,625	-3,377	-4,016		-3,971	-18,328	
Title IX. Committee on Oversight and Government Reform														
Estimated Outlays	0	40	-6	-223	-597	-965	-1,296	-1,545	-1,742	-1,899		-796	-8,233	
Estimated Revenues	8	64	160	258	369	459	563	668	775	887		849	4,201	
Net Effect on the Deficit	-8	-24	-166	-481	-956	-1,424	-1,859	-2,213	-2,517	-2,786		-1,635	-12,434	
On-Budget Deficit	-8	-21	-169	-481	-956	-1,424	-1,859	-2,213	-2,517	-2,786		-1,635	-12,434	
Off-Budget Deficit	0	-3	3	0	0	0	0	0	0	0		0	0	
Title X. Committee on Transportation and Infrastructure														
Estimated Outlays	-612	536	1,642	3,809	5,060	4,388	3,924	3,674	3,354	1,974		10,435	27,749	
Estimated Revenues	0	423	1,742	3,405	5,230	7,064	8,815	10,660	12,556	14,414		10,800	64,309	
Net Effect on the Deficit	-612	113	-100	404	-170	-2,676	-4,891	-6,986	-9,202	-12,440		-365	-36,560	
Title XI. Committee on Ways and Means														
Estimated Outlays	593	7,650	12,927	7,581	1,153	-6,785	-6,720	-7,764	-9,089	-10,152		29,907	-10,602	
Estimated Revenues	-89,234	-483,642	-557,949	-551,520	-470,310	-298,373	-241,385	-294,641	-375,516	-402,413		-1,562,662	-3,764,990	
Net Effect on the Deficit	89,827	491,292	570,876	559,101	471,463	291,588	234,665	286,877	366,427	392,261		2,182,569	3,754,388	
On-Budget Deficit	89,827	491,109	570,448	558,409	470,578	290,616	233,629	285,781	365,267	391,030		2,180,377	3,746,702	
Off-Budget Deficit	0	183	428	692	885	972	1,036	1,096	1,160	1,231		2,192	7,686	
Interactions Among Titles														
Estimated Outlays	0	1,649	4,736	7,614	9,544	11,355	13,111	15,981	10,063	6,925		23,543	80,978	
Estimated Revenues	0	-75	-4,968	-9,106	-12,208	-14,505	-16,998	-18,782	-10,253	-7,077		-26,357	-93,972	
Net Effect on the Deficit	0	1,724	9,704	16,720	21,752	25,860	30,109	34,763	20,316	14,002		49,900	174,950	
Total Changes														
Estimated Outlays	-196,832	3,060	-15,402	-68,936	-94,864	-134,748	-164,001	-182,959	-196,367	-202,560		-372,971	-1,253,605	
Estimated Revenues	-89,232	-481,475	-551,648	-544,919	-461,916	-296,188	-228,853	-280,522	-359,739	-385,315		-1,229,217	-3,669,834	
Net Effect on the Deficit	-107,580	484,535	536,246	475,983	367,052	151,440	64,852	97,563	163,372	182,755		1,751,246	2,416,229	
On-Budget Deficit	-107,587	484,102	535,201	474,263	365,086	149,356	62,660	95,241	160,921	180,169		1,751,071	2,399,420	
Off-Budget Deficit	7	433	1,045	1,720	1,966	2,084	2,192	2,322	2,451	2,586		5,175	16,809	

Robinhood thiết lập mốc cao mới – Kết quả kinh doanh kéo định giá xuống thấp



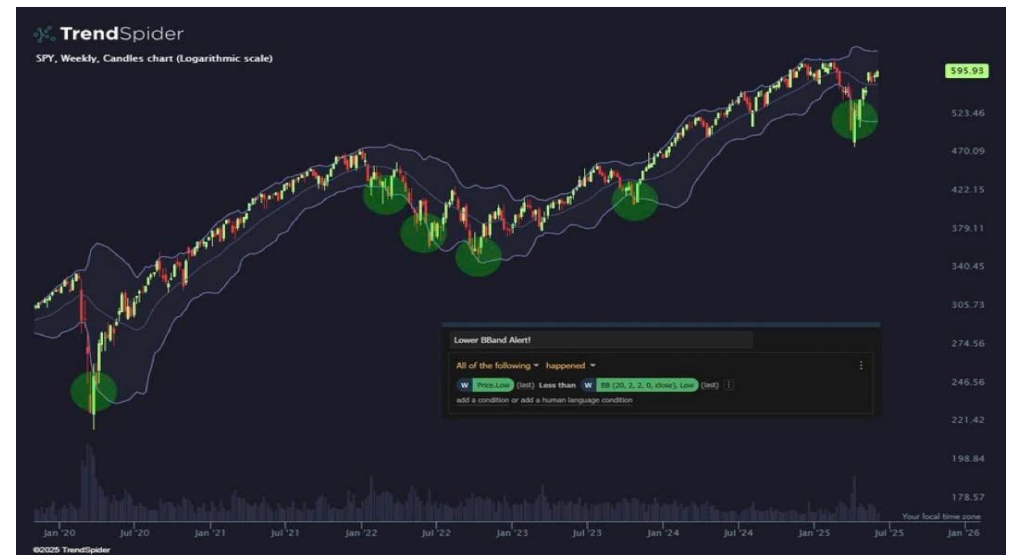
TESLA có Break Down kênh tăng giá – Tín hiệu tiêu cực



DASH thiết lập mốc cao mới



S&P 500 đã sẵn sàng bứt phá ngắn hạn ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào tối nay.

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

